

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2023/HS-ST
Ngày: 27-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vàng A Hý.
- Ông Khoàng Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Phùng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lò Đức V; sinh ngày 28 tháng 6 năm 2003 tại huyện N, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản M 1, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn Đ và bà Tao Thị Ch; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 08/11/2019 bị Trưởng Công an huyện N, tỉnh Điện Biên ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 42/QĐ-XPVPHC về hành vi trộm cắp tài sản với mức tiền phạt 700.000 đồng (bị cáo đã nộp phạt ngày 19/11/2019). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2023 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Giàng Thị Nhung, sinh năm 1987 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

Bị hại: Cháu Thào A S, sinh ngày 30/01/2006; Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Ông Thào A L (là bố đẻ), sinh năm 1963; Cùng địa chỉ: Bản T, xã Q, huyện M, tỉnh Điện Biên, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Đinh Văn T, sinh năm 2000; địa chỉ: Bản M 1, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Lường Văn M, sinh năm 1982; địa chỉ: Bản Nậm Tin 2, xã Nậm Tin, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/12/2022, ông Lường Văn M là chủ nhà trọ tại Bản M 2, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên đến Công an xã C trình báo về việc cháu Thào A S, là học sinh trường Trung học phổ thông C, đang thuê trọ tại nhà trọ của ông Minh, bị mất 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu TECNO, màu xanh vào sáng ngày 17/12/2022 tại phòng trọ số 02. Qua điều tra, xác minh Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N xác định Lò Đức V là người đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc điện thoại di động nêu trên của cháu Thào A S, cụ thể như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 17/12/2022, Lò Đức V đi bộ từ nhà ở Bản M 1, xã C, huyện N sang nhà người quen ở Bản M 2, xã C chơi, khi đi ngang qua dãy trọ của ông Lường Văn M cho học sinh thuê trọ thấy không có người, nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Tại dãy trọ có 10 phòng, chia làm 02 dãy, mỗi dãy 05 phòng quay mặt vào nhau, cách nhau khoảng 02 mét, V mặc áo khoác màu nâu đỏ, đội mũ lưỡi trai màu trắng và đeo khẩu trang màu trắng, đi từ ngoài đường vào trong dãy trọ, lần lượt mở cửa vào 03 phòng trọ đều thấy không có tài sản gì giá trị. V tiếp tục tiến đến phòng trọ thứ 02 dãy bên trái từ ngoài đường vào không khóa cửa, liền đẩy cửa vào thấy có 01 chiếc điện thoại cảm ứng màu xanh đang sạc pin, để trên đầu giường ngủ, tay phải V cầm điện thoại, tay trái rút dây sạc, rồi cho chiếc điện thoại vào túi áo khoác bên phải đang mặc, đi bộ quay về nhà. Khi về tới nhà V tìm cách mở khóa điện thoại nhưng không mở được. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, V mang chiếc điện thoại tới quán sửa điện thoại của anh Đinh Văn T ở cùng bản để thuê mở khóa, chạy lại phần mềm, anh T lấy tiền công là 100.000 đồng. Mục đích Lò Đức V trộm cắp chiếc điện thoại của cháu Thào A S là để bản thân sử dụng. Sau khi sử dụng chiếc điện thoại được 04 ngày, lo sợ hành vi của mình bị tố giác, nên vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 21/12/2022, V hẹn gặp cháu S ở sân vận động của xã C để trả lại chiếc điện thoại, đồng thời bồi thường cho cháu S 100.000 đồng. Sau khi nhận được chiếc điện thoại, cháu S đã giao nộp cho Công an xã C cùng với số tiền 100.000 đồng mà V đã bồi thường.

Tại Kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐGTS, ngày 27/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định: 01 (một) chiếc điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu TECNO, mặt sau màu xanh, đã qua sử dụng trị giá 2.100.000 (hai triệu một trăm nghìn) đồng.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSNP, ngày 19/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lò Đức V về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lò Đức V đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo.

Tại phiên tòa, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có ý kiến: Cháu Thảo A S là học sinh Trường THPT C, do đi học xa nhà nên được gia đình mua cho 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu TECNO màu xanh để sử dụng. Sáng ngày 17/12/2022, chiếc điện thoại của S bị Lò Đức V trộm cắp tại phòng trọ số 02 ở Bản M 1, xã C khi đang sạc pin. Sau đó, khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 21/12/2022, bị cáo đã trả lại chiếc điện thoại và bồi thường cho cháu S số tiền 100.000 đồng. Hiện chiếc điện thoại và số tiền 100.000 đồng bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N thu giữ. Cháu S và ông Thảo A L có nguyện vọng được nhận lại chiếc điện thoại và số tiền 100.000 đồng là tài sản hợp pháp của S và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lò Đức V về tội Trộm cắp tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Lò Đức V từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại về việc bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 600.000 đồng. Về vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho cháu Thảo A S 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu TECNO màu xanh dương, trong khay sim có 01 (một) sim Viettel và số tiền 100.000 (một trăm nghìn) đồng. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Đức V nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo mức thấp nhất theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại, không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lò Đức V đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 08 giờ 20 phút ngày 17/12/2022, Lò Đức V đã có hành vi trộm cắp 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu TECNO màu xanh, đã qua sử dụng, có giá trị 2.100.000 (hai triệu một

trăm nghìn) đồng của cháu Thào A S, khi cháu S đang sạc pin để ở đầu giường ngủ trong phòng trọ số 02, ở nhà trọ của ông Lương Văn M tại Bản M 2, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên. Sau khi trộm cắp được chiếc điện thoại, đến khoảng 14 giờ chiều ngày 17/12/2022 bị cáo mang điện thoại ra cửa hàng sửa chữa điện thoại của anh Đinh Văn T để thuê mở khóa màn hình với giá 100.000 đồng tiền công. Đến khoảng 20 giờ 30 phút ngày 21/12/2022, do sợ bị tố giác nên bị cáo đã tìm gặp cháu Thào A S để trả lại chiếc điện thoại, đồng thời bồi thường cho cháu S 100.000 đồng, sau đó đã bị phát hiện. Mục đích bị cáo Lò Đức V trộm cắp điện thoại di động là để bản thân sử dụng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, phù hợp với lời khai của bị hại và những người liên quan, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lò Đức V phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định: *“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”*

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, có tính chất, mức độ gây nguy hiểm cho xã hội không lớn, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội trên địa bàn xã C, huyện N. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, không bị ai xúi giục. Hành vi của bị cáo phải xử lý nghiêm minh để giữ vững kỷ cương của pháp luật và làm gương răn đe, giáo dục trong nhân dân.

[3] Về nhân thân: Bị cáo Lò Đức V xuất thân trong gia đình nông dân nhưng không chịu lao động, muốn có điện thoại sử dụng bằng con đường bất chính nên đã nảy sinh lòng tham trộm cắp tài sản của người khác. Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 08/11/2019 bị cáo bị Trưởng Công an huyện N, tỉnh Điện Biên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm quy định về hành vi trộm cắp tài sản với mức tiền phạt 700.000 đồng (bị cáo đã nộp phạt vào ngày 19/11/2019) tại Quyết định số 42/QĐ-XPVPHC, đến thời điểm phạm tội được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Sau khi trộm cắp chiếc điện thoại của cháu Thào A S, bị cáo đã tìm gặp cháu S và trả lại chiếc điện thoại cho S, đồng thời bồi thường cho S số tiền 100.000 đồng. Tại giai đoạn xét xử, bị cáo đã tích cực tác động gia đình tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 500.000 đồng, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận đủ số tiền này, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo phạm tội lần đầu

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo có nghề nghiệp chính là làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định, bị cáo chưa có vợ con, bố mẹ bị cáo đã ly hôn, bị cáo sống cùng với bà nội đã già yếu, không có tài sản giá trị nên bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa, bị hại là cháu Thào A S, người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Thào A L và bị cáo xác nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 600.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận, ngoài ra các bên không có yêu cầu gì khác. Xét thấy, thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các bên.

[7] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ vào khoản 2 Điều 47; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho cháu Thào A S 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu TECNO màu xanh dương, trong khay sim có 01 (một) sim Viettel và số tiền 100.000 đồng.

[8] Xét đề nghị của người bào chữa: Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo mức thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát. Xét thấy đề nghị của người bào chữa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Văn T vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật

hình sự vẫn tiến hành xét xử. Trong quá trình điều tra đã làm rõ, mặc dù anh Đinh Văn T là người đã mở khóa chiếc điện thoại mà bị cáo đã trộm cắp, đồng thời lấy tiền công là 100.000 đồng, nhưng anh T không biết hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Lò Đức V, Viện kiểm sát không đề cập xử lý, do đó Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Tại phiên tòa bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là dân tộc thiểu số (dân tộc Thái) sống tại xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên là xã có điều kiện - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[12] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Đức V phạm tội Trộm cắp tài sản.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lò Đức V 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 05/01/2023.
3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại như sau: Bị cáo Lò Đức V bồi thường thiệt hại do hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Thào A S với số tiền là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, bị cáo đã bồi thường xong.
4. Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho cháu Thào A S 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu TECNO, màu xanh dương, trong khay sim có 01 (một) sim Viettel và số tiền 100.000 (một trăm nghìn) đồng.
(Vật chứng được niêm phong như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/3/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N)
5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Đức V.
6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/4/2023; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có QLVN LQ;
- Người bào chữa;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Phòng KTNV&THA - TA tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT CA huyện N;
- Cơ quan THAHS CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Điện Biên;
- Bộ phận HSNV Công an huyện N;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HS: VA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Sao

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vàng A Hý

Khoàng Văn Sơn

Phạm Thị Sao

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thu Hằng

Thùng Văn Liên

Phạm Thị Sao